



BẢN TIN

BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

NEWSLETTER 2022-01

VINARE

Năm 2021, kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 với đợt giãn cách kéo dài tại nhiều trung tâm kinh tế của đất nước. Mặc dù vậy, với việc kết hợp vừa phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nền kinh tế đã phục hồi tăng trưởng trong Quý IV. Tăng trưởng GDP cả năm của Việt Nam đạt 2,58%.

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm Việt Nam tăng trưởng 16,7% so với năm 2020; trong đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ mà VINARE hoạt động chỉ ghi nhận doanh thu phí tăng trưởng 4,39% so với năm trước do chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19. Thị trường bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng đều chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 do tình hình sản xuất kinh doanh của toàn nền kinh tế bị gián đoạn và giảm sút. Tình hình cạnh tranh gay gắt và diễn biến tổn thất phức tạp vẫn là quan ngại chung, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ của nhiều doanh nghiệp.

VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện các mục tiêu 2021 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2021

DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM 2021 ĐẠT 2.246,2 TỶ VND, ĐẠT 11,2% KẾ HOẠCH NĂM

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng vẫn chưa thể phục hồi do tác động của dịch Covid-19, VINARE đã đặt trọng tâm vào nhóm nghiệp vụ cốt lõi để tăng hiệu quả. Kết quả đạt được là doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.246,2 tỷ VND, vượt 11,2% so với kế hoạch. Trong đó, nhóm nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 7,2 % so với kế hoạch đề ra là 6%. Kết quả này đạt được là do VINARE đã tăng cường kết nối với khách hàng để khai thác các dịch vụ tạm thời, tìm kiếm nhiều nguồn doanh thu mới đồng thời duy trì kỷ luật khai thác để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Tỷ lệ chi phí kết hợp (combined ratio) năm 2021 đạt 97,1%, giảm 2,3% so với con số 99,4% của năm 2020.

Hoạt động đầu tư tài chính của Tổng công ty trong năm 2021 đạt kết quả tốt với thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác tăng 5,6% so với năm trước và vượt 3,7% so với kế hoạch.

Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của VINARE đạt gần 408 tỷ, tăng 14,2% so với năm 2020 và vượt 8,2% so với kế hoạch.

Biên khả năng thanh toán của VINARE tiếp tục được duy trì ở mức 6,7 lần so với biên khả năng thanh toán tối thiểu do Bộ Tài chính quy định. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông được thực hiện đúng thời hạn và theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2021, tỷ lệ cổ tức trình Đại hội đồng cổ đông thông qua là 13%, cao hơn so với dự kiến 12% trước đó.



Trong năm 2021, VINARE đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu thường cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%, tăng vốn điều lệ lên trên 1.507 tỉ đồng, niêm yết bổ sung cổ phiếu cũng như tăng cường truyền thông. Cổ phiếu của VINARE đã được quan tâm nhiều hơn từ phía các nhà đầu tư và giá cổ phiếu tăng cao hơn, phản ánh giá trị thực của doanh nghiệp.

Cũng trong kỳ đánh giá năm 2022, xếp hạng năng lực tài chính (FRS) của VINARE đã đạt mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+" (theo kết quả đánh giá của AM Best). VINARE là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo hiểm đầu tiên trên thị trường bảo hiểm Việt Nam thực hiện việc xếp hạng năng lực tài chính với một tổ chức xếp hạng quốc tế từ năm 2013 và liên tục duy trì mức xếp hạng B++ từ đó đến nay, phản ánh tình hình tài chính vững mạnh và kết quả hoạt động kinh doanh tốt của VINARE.

Đây cũng là năm VINARE đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: vinh dự được nhận Cờ thi đua của Bộ Tài chính năm 2020, giải thưởng Top 10 ngành Ngân hàng – Dịch vụ tài chính tại Lễ công bố và vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020 – 2021, vinh dự được nằm trong bảng xếp hạng PROFIT500 – Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021, được vinh danh là một trong số 389 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021 (IR Awards 2021), Báo cáo thường niên của VINARE xuất sắc được vinh danh ở hạng mục giải “Tiến bộ vượt trội” tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021.



NĂM 2022 SẼ LÀ MỘT NĂM NHIỀU THÁCH THỨC HƠN

Năm 2022, dự kiến nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Dự báo chỉ tiêu GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 6 – 6,5%. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến sẽ tăng trưởng ở mức 2 con số.

Với chủ trương phát triển bền vững, duy trì kỷ luật khai thác dịch vụ, mang lại lợi ích lâu dài cho các đối tác, chú trọng hiệu quả kinh doanh là chính, VINARE đã xây dựng kế hoạch kinh doanh 2022 với dự kiến doanh thu phí nhận tái bảo hiểm các nghiệp vụ cốt lõi tăng trưởng 10% và lợi tức trước thuế dự kiến tăng 6,6% so với năm 2021. Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến được duy trì tối thiểu là 12%.



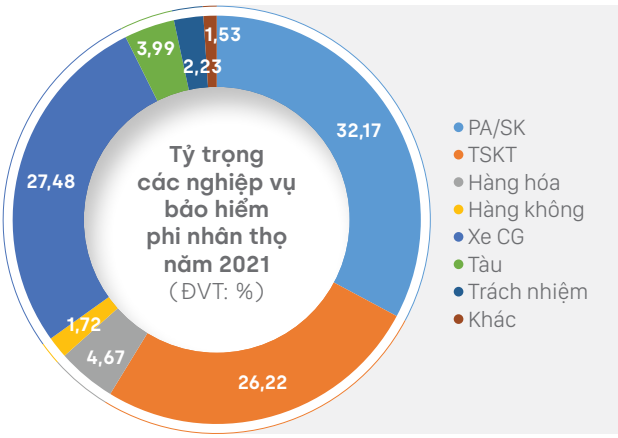
ĐẨY MẠNH KÊNH PHÂN PHỐI SAU DỊCH COVID-19

2021 được xem là một năm đầy khó khăn với nền kinh tế Việt Nam khi dịch Covid 19 đã ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, vốn phụ thuộc rất nhiều vào những biến động của nền kinh tế, cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng trong năm 2021.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm thị trường năm 2021 ước đạt khoảng 58.822 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 4,39% so với năm 2020. Nếu như 6 tháng đầu năm 2021 doanh thu phí thị trường đã có sự hồi phục đáng kể với tốc độ tăng trưởng lên đến 10%, thì làn sóng dịch bùng phát vào cuối tháng 4/2021 đã có tác động tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt với các sản phẩm bảo hiểm cá nhân như con người và xe cơ giới. Tính chung 9 tháng đầu năm, doanh thu thị trường chỉ đạt mức tăng trưởng khoảng hơn 2,6% và kể cả sự phục hồi trong Quý 4/2021 cũng không giúp thị trường đạt được mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng 6,3% của năm 2020.

Trong nhóm sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm xe cơ giới là nhóm sản phẩm bị ảnh hưởng nặng nề nhất, giảm 6,19% trong năm 2021 so với tốc độ tăng trưởng năm 2020 là 6,2%. Trong nhóm sản phẩm bảo hiểm con người/sức khỏe thì nhóm bảo hiểm tai nạn con người cũng chứng kiến đà sụt giảm mạnh trong năm 2021 với doanh thu giảm khoảng 4,55% so với 2020 khi rất nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khai thác loại hình này đã chủ động dừng hoặc thu hẹp quy mô do những khó khăn trong quản lý chi phí khai thác dịch vụ. Trái lại, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khả quan (7,73%) với nhu cầu tăng cao của người dân sau hơn 2 năm ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Hàng hóa vận chuyển và Hàng không là hai nghiệp vụ vốn chịu tác động lớn nhất từ dịch COVID-19 trong năm 2020 cũng đã ghi nhận sự hồi phục tốt nhất trong năm 2021 (21,69% với nghiệp vụ Hàng hóa và 44,04% với nghiệp vụ Hàng không). Nghiệp vụ Tài sản vẫn tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định khoảng 18,3% trong năm 2021.



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Thị trường phi nhân thọ trong năm 2021 cũng ghi nhận sự đa dạng hóa các kênh phân phối bảo hiểm. Xu thế hiện nay là các sản phẩm bảo hiểm được thiết kế và phân phối đến khách hàng kèm theo các giải pháp bán. Việc kết hợp với các hệ thống thương mại điện tử lớn (Lazada, Tiki, Shopee) hoặc các ứng dụng dịch vụ như Grab được cho là giải pháp có lợi lớn cho cả đôi bên khi mà doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tận dụng được nguồn khách hàng cực lớn của các hệ thống này trong khi các kênh bán hàng có được sự đa dạng trong sản phẩm khi cung cấp cho khách hàng. Việc đa dạng hóa các hình thức phân phối được xem là chuyển biến tích cực của thị trường nhằm tối đa hóa nguồn doanh thu, quản trị chi phí, bởi thường cũng như nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng thông qua việc tận dụng công nghệ số giúp khách hàng mua sản phẩm tiện lợi hơn và đáp ứng các dịch vụ một cách liền mạch. Do đó, các doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian qua cũng đã đầu tư nguồn lực đáng kể vào việc sử dụng công nghệ để phân tích xu hướng người tiêu dùng nhằm đưa ra cái nhìn tốt hơn về sở thích của khách hàng, từ đó cung cấp những giải pháp mới để đáp ứng nhu cầu của họ.

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ ĐƠN BẢO HIỂM

CẤP THEO THÔNG TƯ 329 QUA VIỆC NHẬN TÁI BẢO HIỂM CỦA VINARE TRONG NĂM 2021



Thông tư 329/2016/TT-BTC là văn bản pháp lý cụ thể hóa các quy định của Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng. Thông tư này hướng dẫn quy tắc, điều khoản, biểu phí, chế độ tài chính và chế độ bảo cáo thực hiện bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng bao gồm: bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng và bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường.

Thông tư 329 có hiệu lực từ tháng 3/2017 và đang tiếp tục được các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm cũng như người được bảo hiểm thực hiện cho đến nay. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Thông tư đã cho thấy một số bất cập khiến cho việc tuân thủ quy định không đạt được như kỳ vọng ban đầu.

Các số liệu mà VINARE thu thập được qua hoạt động tái bảo hiểm các đơn bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng trong năm 2021 cho thấy:

- Lượng đơn tuân thủ hoàn toàn quy định của thông tư chiếm 28% tổng số đơn bảo hiểm được chào.
- Các đơn có số tiền bảo hiểm >700 tỷ VND cấp theo Thông tư 329 chiếm dưới 2% tổng số đơn.

Xét về loại hình công trình được bảo hiểm có thể thấy một số điểm chính như sau:

- Đường dây tải điện, bao gồm cả các trạm biến áp chiếm 25,8%
- Xây dựng nhà và đường xá cùng chiếm 15,7% mỗi loại hình
- Đê kè (bao gồm cả cảng, hồ chứa nước) chiếm 16,7%
- Cầu chiếm 5,6%
- Các loại hình công trình khác như thủy điện, nhà xưởng công nghiệp, xử lý nước thải, nước sạch, điện gió... chiếm khoảng 37% còn lại.

Các số liệu thống kê nêu trên cho thấy việc cấp đơn bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng tuân thủ Thông tư 329 mới chiếm một tỷ lệ nhỏ trong số các đơn bảo hiểm xây dựng/lắp đặt được cấp trên thị trường. Có thể dẫn ra một số lý do có thể là nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Nhiều trường hợp là do quy định của đầu bài thầu, công ty bảo hiểm không thể cấp đơn tuân thủ theo đúng quy định Thông tư. Mặt khác, một số điều kiện/điều khoản quy định tại Thông tư 329 không tương đồng với nội dung mẫu đơn tiêu chuẩn của loại hình bảo hiểm công trình trong quá trình xây dựng đang sử dụng thịnh hành tại Việt nam và khu vực nên các công ty nhận tái bảo hiểm nước ngoài chưa đủ thời gian thẩm định để chấp nhận cung cấp năng lực tự động cho các đơn bảo hiểm cấp theo Thông tư 329.

Một lý do phổ biến khác có thể là do cạnh tranh giữa các công ty bảo hiểm dẫn tới việc không áp dụng đúng theo biểu phí quy định tại Thông tư và không loại trừ việc cố ý không tuân thủ của người được bảo hiểm và/hoặc người bảo hiểm.

Đối với các đơn không đáp ứng yêu cầu của thị trường tái bảo hiểm quốc tế, các công ty bảo hiểm buộc phải tự giữ lại hoặc nhượng tái bảo hiểm trong nước hoặc tự chịu mức chênh lệch. Điều này có thể dẫn đến rủi ro cho các công ty cấp đơn.

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp bảo hiểm đã có những kiến nghị sửa đổi Thông tư 329 theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế để có thể được chấp nhận tái bảo hiểm tự động. Đồng thời các doanh nghiệp cũng đã kiến nghị Cục Quản lý, Giám sát Bảo hiểm tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Thông tư 329 đối với việc thực hiện bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng để đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng trên thị trường.

Hiện tại Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm đang tiến hành rà soát để sửa đổi bổ sung đối với Thông tư này.

VỐN TRÊN CƠ SỞ RỦI RO XU THẾ KHÔNG THỂ ĐẢO NGƯỢC

Mô hình quản lý tài chính hiện tại Biên khả năng thanh toán 1 (KNTT) được áp dụng tại Châu Âu 30-40 năm trước, đã lỗi thời, bộc lộ nhiều bất cập, không phản ánh đúng tình trạng tài chính của một doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình hoạt động. Mô hình này đã được các thị trường ở các khu vực kinh tế phát triển loại bỏ và chuyển sang mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (RBC – Risk Based Capital) hoặc Biên KNTT 2 (Solvency II) để Cơ quan quản lý có thể giám sát tình trạng tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH); đồng thời cũng tạo điều kiện cho DNBH trong việc chủ động xác định quy mô, “khẩu vị” kinh doanh phù hợp với khả năng tài chính; lượng hóa mức độ rủi ro để kịp thời có biện pháp đảm bảo an toàn tài chính của mình. Đối với khu vực Đông Nam Á, nhiều thị trường có cùng quy mô với Việt Nam (hoặc lớn hơn 1 chút) như Singapore, Malaysia, Indonesia và Thái Lan cũng đã bắt nhịp với xu hướng này khi chuyển sang mô hình RBC từ nhiều năm trước. Trước xu thế không thể đảo ngược này, Việt Nam cũng đã có bước đi để hiện đại hóa ngành bảo hiểm, hướng tới tuân thủ, hòa nhập với các chuẩn mực quốc tế về quản lý tài chính, giám sát bảo hiểm. Yêu cầu quản lý tài chính theo mô hình RBC đã được đưa vào trong Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) và được Quốc Hội thông qua ngày 16/6/2022 với đa số phiếu tán thành (>94%). Rõ ràng đây là hướng đi đúng đắn để nâng cao năng lực nội tại và khả năng phòng ngừa, kiểm soát, chống chịu rủi ro của từng DNBH; nâng cao trách nhiệm của DNBH trong việc giải trình; đồng thời cũng đóng vai trò là một chỉ tiêu tài chính mới để công tác quản lý, giám sát bảo hiểm của nhà nước được hiệu quả hơn từ đó bảo vệ tốt hơn cho người mua bảo hiểm, thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường bảo hiểm.

Tuy nhiên từ yêu cầu đến thực tiễn triển khai còn là chặng đường khá xa đối với thị trường Việt Nam. Từ yêu cầu của Luật, trước mắt Bộ Tài chính sẽ phải ban hành mô hình tính toán vốn trên cơ sở rủi ro để các doanh nghiệp trong nước áp dụng. Quá trình xây dựng mô hình này là một điều hoàn toàn mới với cơ quan quản lý, do vậy cần có sự tư vấn của một tổ chức có năng lực và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực này. Trên thực tế đã có một số tổ chức đưa ra gói chào thầu tư vấn và Cơ quan quản lý sẽ phải rất thận trọng khi lựa chọn đối tác cũng nhưng phải tìm giải pháp về nguồn kinh phí để triển khai. Bên cạnh đó việc tham gia phối hợp, đóng góp ý kiến của DNBH vào công tác xây dựng mô hình RBC cũng đóng vai trò rất quan trọng nhưng hiện tại mức độ quan tâm, đóng góp của các doanh nghiệp trong thị trường vẫn còn hạn chế.

Ngay cả khi đã có mô hình thì việc triển khai thực tế của DNBH cũng cần có lộ trình. Thực tế là các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường, đặc biệt là đối với thị trường phi nhân thọ (ít có yếu tố nước ngoài) đã quen thuộc với mô hình đơn giản của Biên KNTT cũ, doanh nghiệp không mất nhiều công sức trong việc tính toán và thường dễ đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ Biên KNTT. Tuy nhiên, khi áp dụng mô hình RBC đòi hỏi DNBH cần trước hết phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, phải có khả năng xác định và lượng hóa rủi ro phù hợp với tính



chất, phạm vi và mức độ phức tạp của các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phân chia thành các nhóm rủi ro (về cơ bản các nhóm rủi ro bao gồm: Rủi ro bảo hiểm; Rủi ro thị trường; Rủi ro hoạt động và Rủi ro khác), từ đó áp dụng mô hình (công thức) mà Bộ Tài chính đưa ra để lượng hóa tác động của từng nhóm rủi ro. Tổng mức tác động này chính là mức vốn trên cơ sở rủi ro cần xác định.

Đối với DNBH có năng lực tài chính tốt, đã từng trải qua quá trình xếp hạng thì việc bắt nhịp với mô hình mới có lẽ không mất nhiều thời gian, và bản thân các doanh nghiệp này cũng muốn triển khai để thể hiện khả năng tài chính của mình với các khách hàng mua bảo hiểm và các đối tác. Còn đối với DNBH chưa có năng lực tài chính tốt nhưng chưa bị bộc lộ trong phương pháp quản lý tài chính theo Biên KNTT thì đây là trở ngại, đòi hỏi họ cần có sự cải tổ mạnh mẽ về mô hình quản lý, chiến lược kinh doanh và/hoặc phải tăng vốn để duy trì được tỷ lệ an toàn vốn theo yêu cầu pháp luật.

Lường trước những khó khăn, trở ngại khi thực thi thay đổi này, Chính phủ dự kiến sẽ đưa ra lộ trình áp dụng gồm:

Giai đoạn 1: 03 năm đầu kể từ ngày Luật Kinh doanh Bảo hiểm có hiệu lực thi hành, trên cơ sở mô hình, hướng dẫn được Bộ Tài chính ban hành, DNBH trên cơ sở hoạt động kinh doanh của mình, tự thực hiện tính toán để xác định số vốn trên cơ sở rủi ro phải có, và số vốn thực có mà doanh nghiệp đang có từ đó xác định chênh lệch, số vốn phải bổ sung trong 03 năm nếu cần thiết để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn; đồng thời Bộ Tài chính có những điều chỉnh phù hợp, xây dựng hướng dẫn chi tiết về mô hình vốn trên cơ sở rủi ro.

Giai đoạn 2: trong 02 năm tiếp theo, tiếp tục thực hiện việc đánh giá tác động để hoàn thiện mô hình cho thị trường.

Lộ trình thực hiện đặt ra 05 năm, là một khoảng đệm phù hợp với kinh nghiệm các nước trong khu vực đã thực hiện, cho phép các doanh nghiệp trên thị trường thích ứng với yêu cầu pháp luật mới và tiến dần đến mục tiêu cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng thị trường.

NHỮNG ĐIỂM MỚI

CỦA NGHỊ ĐỊNH 97/2021/NĐ-CP DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NHÀ TÁI BẢO HIỂM



Ngày 08/11/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Nghị định số 97/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 23/12/2021 và sửa đổi một số quy định như sau:

Về mức phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Nghị định 97 sửa đổi, bổ sung mức phí bảo hiểm, cháy, nổ bắt buộc tương ứng với danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Một số thay đổi về tỷ lệ phí tối thiểu (chưa bao gồm VAT):

Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ	Nghị định số 23/2018/NĐ-CP	Nghị định số 97/2021/NĐ-CP
Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc; trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện; nhà văn hóa, câu lạc bộ, thẩm mỹ viện, kinh doanh dịch vụ xoa bóp	0,15% & 0,10%	0,10%
Công viên giải trí, vườn thú, thủy cung	0,10%	0,05%
Sân vận động	0,15%	0,06%
Nhà hàng, cửa hàng ăn uống	Không quy định	0,15%
Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, cơ sở lưu trú khác	0,05%	Có sprinkler: 0,05% Không sprinkler: 0,1%
Cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe gắn máy	0,08% & 0,12%	0,15%
Cơ sở sản xuất vật liệu nổ, cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng, bảo quản dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, cơ sở sản xuất, chế biến hàng hóa khác cháy được	0,35%	0,50%
Nhà máy nhiệt điện	0,10%	0,15%
Nhà máy thủy điện; nhà máy điện nguyên tử, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối, điện khí biogas, điện đồng phát và nhà máy điện khác	0,07%	0,12%
Nhà máy điện gió/ điện mặt trời nổi trên mặt nước	0,07%	0,5%
Trạm biến áp trạm biến áp có điện áp từ 110 kv trở lên, đường dây truyền tải điện	0,12%	0,20%
Sản xuất giấy	0,20%	0,35%
Nhà máy in, xưởng in (không tính sản xuất giấy, chế biến giấy)	0,15%	0,20%
Nhà máy/xưởng đánh bóng, xay xát gạo, bột mỳ, nông sản thực phẩm các loại	0,20%	0,15%
Nhà máy sản xuất, chế biến thức ăn gia súc và thức ăn khác	0,20%	0,15%
Hầm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ	0,40%	0,50%
Bãi hàng hóa	0,10%	0,20%
Kho lạnh	0,075%	0,20%
Kho vật liệu xây dựng	0,075%	0,20%
Hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được (độc lập, không nằm trong phạm vi nhà máy, cơ sở có hoạt động sản xuất)	0,075%	0,10%
Gạch, đồ gốm sứ, xi măng, thạch cao	0,075%	0,10%
Kim loại, phụ tùng cơ khí	0,075%	0,10%
Dầu nhớt, mỡ bôi trơn	0,075%	0,10%
Nước khoáng và đồ uống các loại	0,075%	0,10%

Ngoài ra, Nghị định 97 còn bổ sung quy định cụ thể mức phí sàn cho các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có số tiền bảo hiểm trên 1.000 tỷ đồng:

“Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên (trừ cơ sở hạt nhân): Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận. Trong mọi trường hợp, mức phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Đối với cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận.”



Xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E

Theo Nghị định 97, Bộ Công an có trách nhiệm xác định và ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E đối với cơ sở công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

Bổ sung quy định về giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Nghị định 97/2021/NĐ-CP bổ sung quy định về giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (BHCNBB). Theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB cho bên mua bảo hiểm.

Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định tại Nghị định.

Nghị định số 97/2021/NĐ-CP đã tạo ra cơ sở pháp lý rõ ràng, minh bạch cho doanh nghiệp bảo hiểm và cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ trong việc thực hiện BHCNBB.

Theo đó, tỷ lệ phí bảo hiểm được sửa đổi được đánh giá là phù hợp với danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Bên cạnh đó, việc cấp Giấy chứng nhận BHCNBB đã tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan giám sát có thẩm quyền trong công tác kiểm tra việc thực hiện mua BHCNBB của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Nghị định 97 cũng cho phép cấp Giấy chứng nhận BHCNBB điện tử, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm cũng như đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Ngoài ra, việc quy định cụ thể sử dụng nguồn thu từ BHCNBB sẽ giúp tăng nguồn lực đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy (PCCC) để phù hợp với nhu cầu thực tiễn của hoạt động phòng cháy, chữa cháy, hỗ trợ cơ quan phòng cháy chữa cháy đủ năng lực giải quyết các sự cố cháy nổ. Cuối cùng, việc xác định nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp sẽ giúp các doanh nghiệp bảo hiểm chủ động trong việc xác định mức phí bảo hiểm, từ đó tạo sự thống nhất về cách hiểu, đảm bảo sự tương đồng về mức phí bảo hiểm giữa các hợp đồng bảo hiểm, tránh tranh chấp trong quá trình triển khai BHCNBB.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn một số tồn tại, khó khăn trong việc thực hiện Nghị định 97. Cụ thể, việc quy định phí tối thiểu cho các dịch vụ có số tiền bảo hiểm trên 1.000 tỷ bằng với 1.000 tỷ đồng nhân với tỷ lệ phí áp dụng cho các dịch vụ 1.000 tỷ vô hình chung lại làm cho mức phí bảo hiểm bị cố định trong nhiều trường hợp khi mà các doanh nghiệp bảo hiểm cấp đơn với mức phí cố định chỉ đủ đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định, bất kể số tiền bảo hiểm có thể là 1.001 tỷ hay 3.000 tỷ. Như vậy, dịch vụ có số tiền bảo hiểm càng lớn, tỷ lệ phí có thể bị giảm do chỉ cần đáp ứng về mức phí chứ không phải tỷ lệ phí. Bên cạnh đó, Nghị định mới quy định mức phí tối thiểu cho các dịch vụ trên 1.000 tỷ nhưng lại không có quy định về mức khấu trừ sàn. Điều này có thể dẫn đến việc các dịch vụ trên 1.000 tỷ có mức khấu trừ rất thấp nếu không bị ràng buộc bởi các điều kiện hợp đồng tái bảo hiểm cố định, mà thường các hợp đồng cố định này chỉ có các điều kiện ràng buộc cho các nhóm rủi ro cao như nhóm 4 và nhóm 5.

Tại hội nghị trực tuyến phổ biến nội dung Nghị định số 97/2021/NĐ-CP và công văn số 753/BTC-QLBH, Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm đã trả lời rõ ràng các doanh nghiệp bảo hiểm không được áp dụng điều khoản “Thường không có tổn thất” trong hợp đồng bảo hiểm nếu phí bảo hiểm đã là phí tối thiểu theo Nghị định số 97/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, trên thực tế, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn sử dụng điều khoản này và các điều khoản khác để giảm phí như “Điều khoản về giảm phí đối với việc bảo hiểm dài hạn”, “Điều khoản chi phí để phòng, hạn chế tổn thất”...

BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

CƠ HỘI & THÁCH THỨC



Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt đến an ninh chính trị, kinh tế - xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp, người nông dân và tổ chức sản xuất nông nghiệp luôn phải đối mặt với nhiều loại rủi ro khác nhau với mức độ ảnh hưởng đa dạng và phức tạp. Bảo hiểm Nông nghiệp (BHNN) được xem là công cụ tài chính hiệu quả để bảo vệ họ trước những thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trong quá trình sản xuất. Dù được triển khai thí điểm từ năm 1982, quy mô và kết quả triển khai đến nay còn rất khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng.

Thực tế triển khai

Chương trình thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg đã được triển khai trong giai đoạn 2011-2013 tại 20 tỉnh, thành phố với 3 sản phẩm bảo hiểm gồm bảo hiểm cây lúa, bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm thủy sản. Qua gần 3 năm thực hiện, có 304.017 hộ nông dân, tổ chức tham gia bảo hiểm với tổng giá trị được bảo hiểm đạt gần 7.750 tỷ đồng. Tổng doanh thu phí bảo hiểm là 394 tỷ đồng. Tổng số tiền đã giải quyết bồi thường đến thời điểm hiện tại là 728 tỷ đồng.

Sau khi tổng kết Chương trình thí điểm, Chính phủ đã tiếp tục ban hành khung pháp lý cho việc thực hiện BHNN bằng Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các quyết định về chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Bước vào giai đoạn 2019-2021, Thực hiện Nghị định 58/2018/NĐ-CP và Quyết định 22/2019/QĐ-TTg, Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) tiếp tục đồng hành cùng với đối tác chiến lược Swiss Re và các công ty bảo hiểm trong nước là Bảo Việt, Bảo Minh xây dựng các sản phẩm bảo hiểm. Qua gần 2 năm thực hiện, BHNN mới chỉ triển khai được ở 4 tỉnh: Nghệ An, Thái Bình, Hà Giang và Bình Định với tổng số hộ nông dân tham gia bảo hiểm là hơn 16.000 hộ, tổng giá trị được bảo hiểm đạt gần 145 tỷ đồng, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt gần 7 tỷ đồng. Quy mô và kết quả triển khai còn rất khiêm tốn, chưa được như kỳ vọng.

Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện

Chương trình thí điểm giai đoạn 2011-2013 được đánh giá là khá thành công. Tuy nhiên, sang giai đoạn 2019-2021, chương trình gặp một số điều kiện hạn chế hơn trước như mức hỗ trợ phí BHNN thấp hơn, mức độ quan tâm của địa phương đối với chương trình còn hạn chế, một số chính sách, cơ chế hướng dẫn thực hiện chưa kịp thời... Các doanh nghiệp bảo hiểm giờ đây phải chủ động kết nối với các cấp chính quyền địa phương nhằm có được sự hỗ trợ trong công tác tuyên truyền, thúc đẩy triển khai thay vì có Ban chỉ đạo của từng địa phương hỗ trợ như ở chương trình thí điểm giai đoạn 2011-2013. Giai đoạn 2019-2021 cũng là giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát, việc tiếp cận người nông dân để triển khai công tác bán hàng như tuyên truyền, thu thập thông tin, cấp đơn bảo hiểm cho khách hàng gặp nhiều khó khăn.

Hướng đi trong thời gian tới

Ngày 9/5/2022 vừa qua, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg nhằm tiếp tục hỗ trợ BHNN phát triển, hỗ trợ phí BHNN trong một số lĩnh vực cụ thể, trước mắt là đến hết năm 2025. VINARE đang tích cực làm việc với nhà tái bảo hiểm đứng đầu Swiss Re cũng như các công ty bảo hiểm trong nước để điều chỉnh các sản phẩm bảo hiểm hiện có cũng như xây dựng mới các sản phẩm khác có tính khả thi cao hơn cho phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và nhu cầu thực tế của từng địa phương.

Với khoảng 65% dân số sống ở nông thôn, BHNN là lĩnh vực nhiều tiềm năng, tuy nhiên cũng là nghiệp vụ phức tạp, rủi ro cao xuất phát từ thực tế biến động khó lường của thiên tai, dịch bệnh. Các doanh nghiệp bảo hiểm mong muốn có sự quan tâm đồng bộ và nhiều hơn nữa của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương để nông dân, nông thôn có thể tiếp cận được BHNN, giảm bớt khó khăn khi phải đối mặt với thiên tai, dịch bệnh.



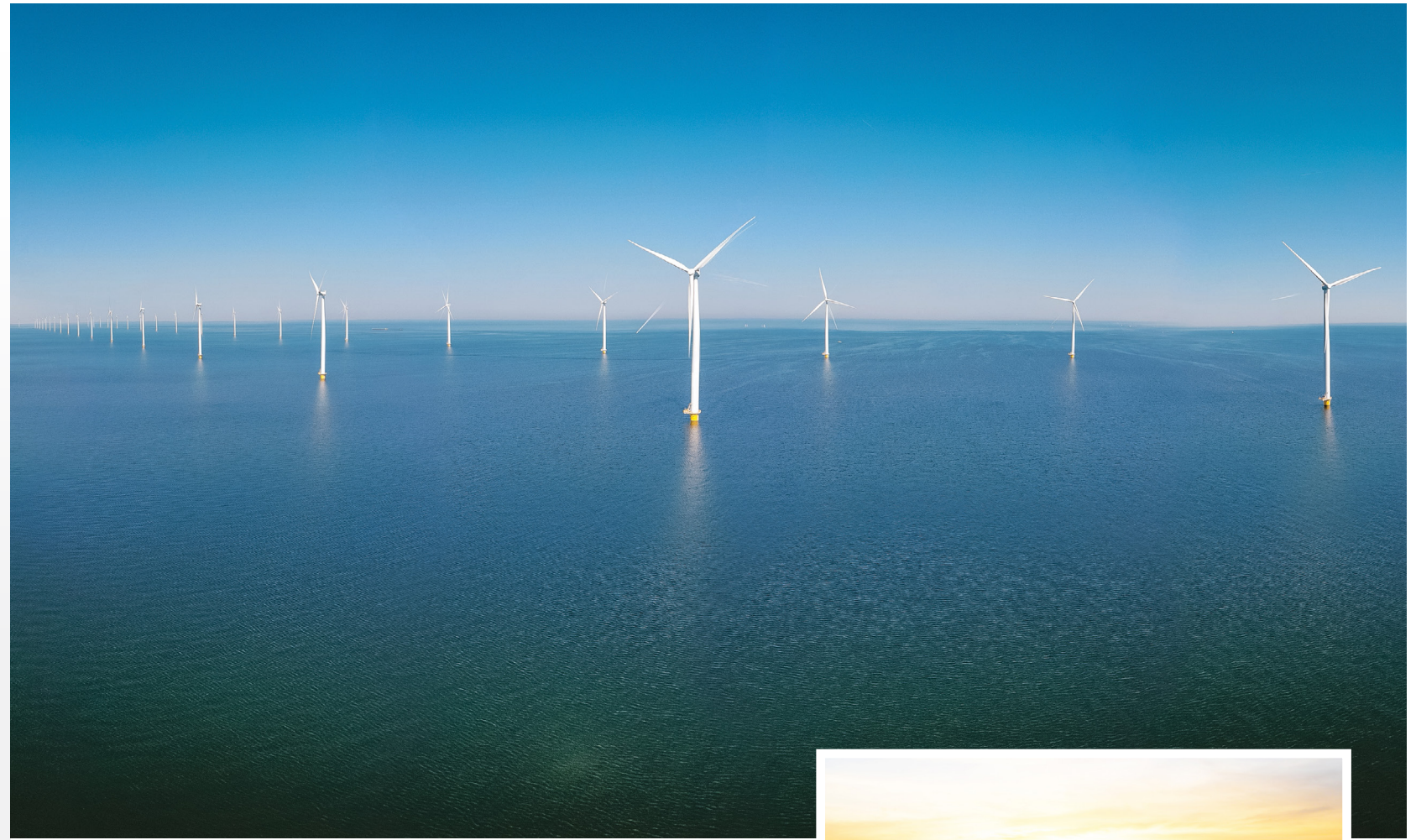
MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG BẢO HIỂM NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TẠI VIỆT NAM

Bộ Công thương mới đây đã công bố và trình Thủ tướng Chính Phủ dự thảo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021–2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Sau nhiều phân tích, đánh giá kỹ lưỡng, Chính phủ đã chỉ đạo hoàn thiện bản Quy hoạch nhằm khắc phục những bất cập và đảm bảo cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam tại hội nghị COP 26 diễn ra tại Vương Quốc Anh thời gian qua.

Một số điểm lớn trong Quy hoạch Điện VIII là giảm sản lượng điện sản xuất từ các nguồn điện than từ mức gần 50% hiện nay xuống còn 32% vào năm 2030 và giảm mạnh xuống còn 9,6% vào năm 2045; khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng mới. Điện mặt trời thời gian qua có sự phát triển mạnh tuy nhiên sẽ sớm có sự điều chỉnh do tồn tại nhược điểm về số giờ vận hành (trung bình 4 tiếng/ngày); điện gió trên bờ và ngoài khơi, ngược lại, sẽ được tập trung ưu tiên cho giai đoạn tới. Dự kiến sản lượng điện năng từ các nguồn năng lượng tái tạo sẽ tăng dần từ mức 6% hiện nay lên tới 16% vào năm 2030 và tăng mạnh lên 32% vào năm 2045.

Sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành năng lượng tái tạo báo hiệu nhu cầu bảo hiểm trong lĩnh vực này ngày càng tăng do các dự án năng lượng tái tạo luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau trong suốt vòng đời hoạt động. Hơn nữa đây cũng là hoạt động khai thác phù hợp với ESG – xu thế đang dần trở thành yêu cầu bắt buộc trong các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy vậy, điều này không có nghĩa là các công ty bảo hiểm có thể dễ dàng khai thác và có lãi nghiệp vụ khi tham gia bảo hiểm cho các dự án này. Trên thực tế, sau thời gian xây dựng và phát triển “vũ bão”, năng lượng tái tạo lại đang trở thành một loại hình rủi ro lớn với thị trường bảo hiểm tài sản Việt Nam.

Điều quan trọng, ngành bảo hiểm Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm khai thác, tỷ lệ phí bảo hiểm của các dự án năng lượng khá thấp, chưa tương xứng với mức độ rủi ro của loại hình này. Một trong các yếu tố chi phối là bản thân các chủ đầu tư của dự án chỉ có hoặc chỉ muốn dành một khoản chi phí nhỏ để mua bảo hiểm nên hầu hết đã chọn loại hình bảo hiểm tài sản (property) chứ không phải loại hình bảo hiểm toàn diện máy móc thiết bị (CMI) và thường chọn đối tác bảo hiểm nào chào phí rẻ nhất. Bên cạnh đó, hầu hết chủ đầu tư các dự án năng lượng mới tái tạo tại Việt Nam cũng chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý vận hành, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng và xử lý sự cố trong quá trình vận hành. Một số kinh nghiệm tốt có thể thấy là chủ đầu tư và đơn vị cung cấp thiết bị có hợp đồng dịch vụ để các chuyên gia, đội ngũ kỹ thuật của nhà cung cấp, nhà sản xuất theo dõi giám sát thiết bị trong quá trình vận hành, kịp thời xử lý những sự cố nhỏ nhằm để phòng và hạn chế tổn thất. Ngoài ra, cần đào tạo tại chỗ cho đội ngũ vận hành của nhà máy và đảm bảo chất lượng thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị theo đúng quy trình, chất lượng mà nhà sản xuất khuyến cáo.



Trong việc tư vấn về sản phẩm bảo hiểm, các công ty bảo hiểm trong nước mới chỉ tập trung vào cạnh tranh về giá phí, phạm vi bảo hiểm chứ chưa thực sự tư vấn để khách hàng hiểu rõ về bản chất rủi ro. Việc thu xếp tái bảo hiểm của loại hình này gặp nhiều khó khăn khi hầu hết các công ty trong nước không có hoặc không đủ năng lực tự động. Điều này cho thấy thị trường bảo hiểm trong nước cần nâng cao năng lực đánh giá rủi ro; tập trung hơn nữa vào tư vấn về sản phẩm bảo hiểm để khách hàng có sự lựa chọn bảo vệ tài sản một cách phù hợp; cung cấp giá trị gia tăng như khuyến cáo để phòng, hạn chế tổn thất từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của loại hình này. Từ đó tạo điều kiện tiên đề để thu hút các nhà tái bảo hiểm quốc tế tham gia vào loại hình này. Trên thực tế, sự quan tâm của thị trường quốc tế đối với loại hình này là không nhỏ, tuy nhiên các vấn đề về chất lượng rủi ro, tỷ lệ phí là một mối e ngại đối với nhà tái bảo hiểm quốc tế, đặc biệt là các nhà tái bảo hiểm có xếp hạng tín nhiệm cao. VINARE với vai trò là nhà tái bảo hiểm quốc gia, trung tâm thông tin của thị trường, thông qua các hoạt động khai thác, thu xếp tái bảo hiểm đang rất tích cực tư vấn, nâng cao nhận thức của thị trường trong nước để cải thiện chất lượng rủi ro; cải thiện tỷ lệ phí tương ứng với mức độ rủi ro; đồng thời tiếp tục làm việc với các môi giới, nhà tái bảo hiểm khu vực và quốc tế để tìm kiếm các giải pháp liên quan đến năng lực tái bảo hiểm của loại hình này cho thị trường trong nước.





TÌNH HÌNH TỔN THẤT TÀU VR-SB VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Với mục tiêu khai thác tối lợi thế đường bờ biển dài của Việt Nam, giảm áp lực cho đường bộ và kết nối hài hòa các phương thức vận tải, năm 2014 Bộ Giao thông Vận tải đã công bố tuyến vận tải ven biển từ Bắc đến Nam bao gồm: Quảng Ninh – Quảng Bình, Bình Thuận – Kiên Giang và Quảng Bình – Bình Thuận. Lợi ích kinh tế của tuyến vận tải ven biển là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, hoạt động của các đội tàu pha sông biển (VR-SB) trong thời gian qua và việc bảo hiểm cho các tàu này đang phát sinh nhiều vấn đề lo ngại.

Theo thống kê của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, tính đến đầu năm 2022, toàn quốc có 1.235 tàu VR-SB, trong đó có 515 tàu được đóng mới (tăng 13 chiếc so với cuối năm 2020), còn lại là phương tiện được chuyển đổi từ tàu biển hoặc nâng cấp từ phương tiện thủy. Năm 2021 có khoảng 50.000 lượt phương tiện thủy trên tuyến vận tải ven biển tuyến Bắc - Nam vận chuyển khoảng 78,5 triệu tấn hàng thông qua các cảng, bến thủy, tăng hơn 9 lần so với năm 2015. Trong đó, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng phương tiện VR-SB đạt 58 triệu tấn, tăng 57% so với năm 2020 và chiếm 29% tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

Tuy nhiên, song song với sự phát triển nhanh chóng, cũng còn tồn tại những rủi ro đáng lo ngại của loại hình vận tải này. Theo thống kê của các doanh nghiệp bảo hiểm tại Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tình trạng tổn thất của các đội tàu VR-SB luôn ở mức báo động. Trong 3 năm (2018-2020) tổng tổn thất đã bồi thường và dự phòng bồi thường của loại phương tiện này đã lên trên 271 tỷ đồng, với tỷ lệ bồi thường thân tàu ước tính là 167%. Con số này đang cao bất thường so với các loại tàu khác. Thống kê cho thấy tới cuối năm 2020, có 43 vụ tai nạn (chìm đắm, mắc cạn, đâm va) liên quan tới tàu VR-SB làm 4 người chết và gây chìm đắm 27 phương tiện.

Nguyên nhân của tình trạng tổn thất cao

Các tổn thất chủ yếu xuất phát từ các tai nạn chìm đắm, mắc cạn và đâm va mà nguyên nhân chủ yếu là do tình trạng kỹ thuật của tàu không đảm bảo, trình độ năng lực của đội ngũ thuyền viên còn yếu kém.

Theo quy định, cấp tàu VR-SB nằm trong giới hạn tàu hạn chế III, chạy cách bờ 12 hải lý nhưng không theo yêu cầu kỹ thuật của tàu hạn chế III mà áp dụng theo quy định thấp hơn rất nhiều, cụ thể là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa. Cũng theo quy định, tàu SB phải được tính toán bảo đảm hoạt động an toàn trong điều kiện cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 12 hải lý, chiều cao sóng lớn nhất không quá 2,5m. Bên cạnh đó phải có hành trình đúng theo tuyến vận tải ven biển đã được Bộ Giao thông vận tải công bố. Tại thời điểm mở tuyến, cơ quan quản lý chỉ công bố 3 tuyến ven biển Quảng Ninh – Quảng Bình, Bình Thuận – Kiên Giang và Quảng Bình – Bình Thuận. Tuy nhiên việc chấp thuận cho phép nối tuyến tại văn bản số 13066/BGTVT-VT đã cho phép các tàu VR-SB có thể chạy từ Bắc vào Nam như các tàu biển. Điều này, về cơ bản không đúng với bản chất hoạt động vận tải của các phương tiện VR-SB. Trên thực tế, nhiều tàu VR-SB có trọng tải lớn vẫn hoạt động ngoài phạm vi 12 hải lý và không theo đúng luồng tuyến được quy định. Hiện nay, phạm vi hoạt động của phần lớn tàu SB không khác so với tàu biển, thường chạy cắt vịnh Bắc Bộ (cách bờ biển khoảng 100 hải lý) và vận chuyển khoảng 70% lượng hàng từ cảng biển đến cảng biển.

Các chuyên gia hàng hải đánh giá tàu sông cấp S1, S2 chuyển đổi lên cấp SB khi hoạt động trên biển bị giảm động lực, hạn chế khả năng điều động. Khi gặp sóng gió lớn, thời tiết xấu thường bị chết máy (như vụ tổn thất Thành Công 999). Còn tàu biển cấp hạn chế III hạ cấp xuống, giảm chiều cao mạn khô, chở hàng nhiều, nhưng lại không có quy định về tính kín nước của nắp hầm hàng, tính ổn định khi xếp hàng hóa như tàu biển cùng cấp, ảnh hưởng tới sự ổn định, rung lắc của tàu (như vụ tổn thất Ngọc Lan 15).

Các chuyên gia đăng kiểm cũng cho biết, việc bố trí định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện VR-SB chưa phù hợp khi phương tiện hoạt động trên biển (ven biển). Một số thuyền trưởng, thuyền viên thậm chí không đủ năng lực, kinh nghiệm. Việc đào tạo cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên làm việc trên phương tiện VR-SB còn tồn tại nhiều bất cập, chất lượng thuyền viên chưa phù hợp với các quy định của Công ước Hàng hải Quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Đề xuất, giải pháp

Cục Đăng kiểm Việt Nam hiện nay đang tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung quy chuẩn cho tàu SB cho phù hợp thực tế. Bên cạnh đó, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cũng cho biết, đơn vị này đang xây dựng dự thảo thông tư của Bộ Giao thông Vận tải quy định về hoạt động phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB trên tuyến vận tải biển Bắc – Nam. Dự thảo mới sẽ có những quy định cụ thể về đăng ký, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thuyền viên có chứng chỉ chuyên môn phù hợp cho các hoạt động tàu VR-SB trên các tuyến hành trình.

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cũng đang dự thảo đề xuất tới Bộ Giao thông Vận tải thống nhất, quy trách nhiệm xử lý, quản lý và giám sát hoạt động của các tàu SB trong hành trình về một đầu mối cụ thể để tránh tình trạng tàu SB không chấp hành đúng quy định hàng hải khi hoạt động trên tuyến, tắt hoặc thiếu thiết bị giám sát tự động AIS để tránh bị kiểm tra xử lý dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng như hiện nay.

Trước mắt, khi các quy định về tàu SB còn chưa được sửa đổi, các doanh nghiệp bảo hiểm cần đánh giá rủi ro thận trọng trong việc bảo hiểm thân tàu cho các tàu SB và hàng hóa chở trên tàu SB, tăng cường truyền truyền các biện pháp an toàn, để phòng hạn chế tổn thất cho các đội tàu này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH: 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - Tel: (84 024) 3942 2354/65-69 - Fax: (84 024) 3942 2351

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM - Tel: (84 028) 3821 1615 - Fax: (84 028) 3821 1616

www.vinare.com.vn